Thứ hai, ngày 2 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Để mất mốc 960 điểm

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/12/2019		•	
Tuần 2/12-6/12/2019		•	
Tháng 12/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index chỉ tăng điểm nhẹ những phút đầu phiên sáng trước khi giảm điểm trước áp lực của các mã bluechips như VNM, VIC, BID. Đến phiên chiều, chỉ số chìm trong sắc đỏ khi VCB, VNM, GAS nới rộng đà giảm. Thị trường có phiên giảm điểm mạnh đi ngược với xu hướng chung trong khu vực. Với việc để mất hàng loạt các mốc hỗ trợ quan trọng trong thời gian ngắn, VN-Index đang lùi về vùng giá thấp trong năm. Với trạng thái thiếu thông tin hỗ trợ trong và ngoài nước trong giai đoạn này, nhiều khả năng chỉ số sẽ vận động trong kênh giá 950 – 970 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán cho tất cả các hợp đồng.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 02/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. VJC phục hồi tích cực sau điều chỉnh giảm ngắn hạn về 42. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của VJC có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu Xây dựng_-0.2%. 8/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất tốt hơn VNINDEX. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường chung giảm điểm, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày -0.2%, con số này của VNINDEX là -1.2%

Phân tích kỹ thuật: D2D_Tiêu cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

• VN-Index -11.44 điểm, đóng cửa 959.31. HNX-Index -1.60 điểm, đóng cửa 100.90.
• Kéo chỉ số tăng: SAB (+0.58); VJC (+0.19); HPG (+0.08); VHC (+0.08); PGD (+0.06).
• Kéo chỉ số giảm: VCB (-1.93); VNM (-1.60); GAS (-1.38); BID (-1.28); VIC (-0.69).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,594 tỷ đồng, +29.2% so với phiên hôm trước.
• Biên độ dao động là 14.61 điểm. Thị trường có 114 mã tăng, 52 mã tham chiếu và 221 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: 12.93 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm ROS (60.98 tỷ), VNM (21.62 tỷ) và VIC (8.22 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị 6.45 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng
Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường
Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Đặng Hà My
mydh@bsc.com.vn
Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest
Lương Minh Hiển
hienlm@bsc.com.vn
Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **959.31**
Giá trị: 2781.99 tỷ -11.44 (-1.18%)
Khối ngoại (ròng): -12.93 tỷ

HNX-INDEX **100.90**
Giá trị: 262.27 tỷ -1.6 (-1.56%)
Khối ngoại (ròng): -6.45 tỷ

UPCOM-INDEX **55.52**
Giá trị: 157.72 tỷ -0.14 (-0.25%)
Khối ngoại(ròng): 0.546 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.1	1.70%
Giá vàng	1,455	-0.60%
Tỷ giá USD/VND	23,173	-0.10%
Tỷ giá EUR/VND	25,520	-0.94%
Tỷ giá JPY/VND	21,129	-0.28%
LS liên NH 1 tháng	4.4%	9.40%
LS TPCP 5 năm	2.4%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	36.9	ROS	-64.7
VHM	17.5	VNM	-21.7
HVN	17.0	VIC	-8.2
VRE	16.8	STB	-7.2
VJC	12.9	HDB	-7.0

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

BSC RESEARCH
12/2/2019
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh
khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1
HSX-Index Intraday

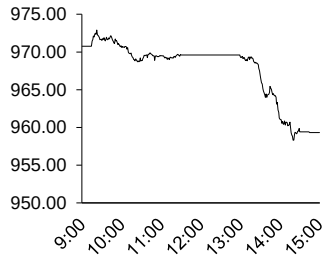

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2
HNX-Index Intraday

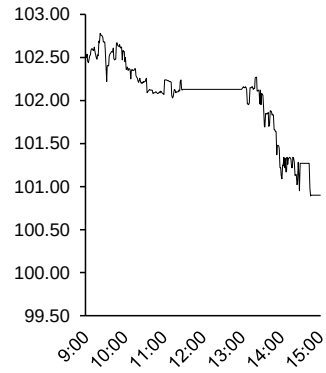

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Sử dụng i-Invest tại đây Link ***Hướng dẫn sử dụng*** Link
Bản công bố rủi ro Link ***Video giới thiệu danh mục Chủ đề*** Link

* **8/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường chung giảm điểm, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày -0.2%, con số này của VNINDEX là -1.2%

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:
- **7/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**
- **3/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_-0.2%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Vật liệu Xây dựng	**-0.2%**	0.4%	-2.4%	2.6%	7.3%	7.4%	6.9%	18.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	**-0.6%**	-0.4%	0.9%	-0.3%	-0.6%	17.1%	49.2%	14.7%
BĐS & Khu công nghiệp	**-0.7%**	-0.9%	-2.8%	-2.1%	3.7%	8.0%	55.5%	16.8%
Chiến tranh thương mại	**-0.8%**	-1.2%	-2.8%	-4.9%	-3.9%	2.7%	17.2%	15.5%
Lãi suất giảm	**-0.9%**	-0.1%	-5.2%	-3.8%	-2.7%	0.0%	47.9%	17.9%
FTSE Việt Nam	**-1.1%**	-1.3%	-5.5%	-0.9%	2.6%	7.5%	83.9%	14.9%
MSCI frontier 100 Việt Nam	**-1.1%**	-1.6%	-5.7%	-2.4%	-1.0%	3.6%	74.1%	14.4%
Nước & Năng lượng	**-1.2%**	-1.7%	-3.7%	-2.7%	-3.4%	9.7%	47.8%	14.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	**-1.2%**	-2.0%	-4.2%	-0.4%	-6.0%	-11.6%	45.0%	21.2%
Hàng tiêu dùng	**-1.3%**	-3.0%	-9.2%	-6.3%	-0.3%	1.8%	48.8%	17.3%
Xây dựng & Vật liệu XD	**-1.4%**	-1.6%	-6.8%	-1.9%	-3.4%	-6.7%	-7.5%	17.3%
Cổ phiếu hết room ngoại	**-1.4%**	-2.6%	-7.4%	-2.6%	8.7%	10.1%	67.9%	17.0%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	**-1.5%**	-2.3%	-6.3%	-1.8%	7.3%	11.8%	82.4%	16.0%
Xây dựng	**-1.6%**	-2.8%	-9.8%	-10.3%	-12.7%	-13.7%	16.6%	18.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	**-1.9%**	-3.3%	-8.5%	-3.7%	1.1%	2.2%	63.4%	14.4%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	**-1.9%**	-2.8%	-6.8%	0.0%	15.5%	26.3%	115.5%	18.9%
Dầu khí	**-2.1%**	-3.5%	-5.4%	-4.9%	-6.2%	2.2%	16.6%	22.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	**-2.2%**	-3.3%	-7.0%	1.0%	4.9%	1.9%	38.4%	19.8%
Ngân hàng	**-2.3%**	-3.0%	-6.1%	2.4%	13.6%	12.0%	78.0%	22.1%
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 18	**0.1%**	-0.6%	-2.7%	-1.9%	-1.1%	2.1%	122.7%	18.2%
Danh mục 12	**0.1%**	-0.4%	-4.4%	0.2%	8.3%	18.7%	84.9%	18.7%
Danh mục 4	**-0.9%**	-1.6%	-5.1%	0.9%	11.6%	11.9%	35.8%	16.3%
Danh mục 9	**-1.9%**	-2.6%	-7.1%	-2.1%	4.5%	5.8%	52.1%	15.4%
Danh mục 11	**-2.1%**	-3.6%	-10.3%	-5.6%	1.3%	12.7%	77.1%	19.1%
*** Note**	**7/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	**-0.4%**	-1.4%	-7.1%	-3.4%	7.3%	29.1%	94.8%	20.0%
Danh mục 22	**-1.0%**	-0.9%	-5.5%	-1.0%	11.5%	18.8%	61.6%	16.4%
Danh mục 23	**-1.2%**	-1.6%	-5.1%	-2.7%	2.1%	27.4%	108.8%	18.7%
Danh mục 21	**-1.7%**	-2.5%	-6.5%	-0.5%	8.8%	12.5%	60.3%	15.7%
Danh mục 25	**-2.2%**	-3.0%	-7.5%	-4.7%	8.8%	31.1%	134.7%	17.9%
*** Note**	**3/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**							
INDEX								
VNINDEX	**-1.2%**	**-1.7%**	**-5.5%**	**-1.9%**	**1.2%**	**3.9%**	**42.3%**	15.6%
VN30INDEX	**-1.4%**	**-2.2%**	**-6.3%**	**-1.4%**	**1.6%**	**-2.3%**	**37.0%**	15.9%

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Công nghệ Thông tin	-2.7%
Ngân hàng	-2.3%
Bảo hiểm	-2.1%
Dầu khí	-1.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.7%
Hóa chất	-1.5%
Xây dựng và Vật liệu	-1.3%
Ô tô và phụ tùng	-1.2%
Thực phẩm và đồ uống	-1.0%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.9%
Dịch vụ tài chính	-0.8%
Truyền thông	-0.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.7%
Bất động sản	-0.5%
Bán lẻ	-0.5%
Y tế	0.1%
Tài nguyên Cơ bản	0.4%
Du lịch và Giải trí	0.6%
Viễn thông	4.1%

Nguồn: FiinPro

***Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link: https://invest.bsc.com.vn/#/login**
***Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.**

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

D2D_Tiêu cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD duy trì dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: giảm dần và chưa đi vào vùng quá bán.
- Đường MA: xuất hiện Death Cross.

Nhận định: D2D đang trong quá trình giảm giá sau khi đã chưa thể vượt được vùng đỉnh lịch sử tại xung quanh giá 90. Thanh khoản tăng cao tại những phiên giảm điểm mạnh cho thấy áp lực bán tháo đang diễn ra tại cổ phiếu này. Chỉ báo MACD duy trì histogram âm đồng thuận với đà giảm của D2D. Bên cạnh đó, các đường EMA đã xuất hiện Death Cross, xác nhận sự khởi đầu của một viễn cảnh kém tươi sáng trong thời gian tới đối với diễn biến giá cổ phiếu. Đồng thời, chỉ báo động lượng RSI chưa đi vào vùng quá bán cho thấy dư địa giảm vẫn còn. Dự kiến D2D có thể mất giá cho đến khi chạm ngưỡng hỗ trợ 65 trong vài tuần tiếp theo. Nếu mốc này bị xuyên thủng thì cổ phiếu sẽ xác nhận mô hình hai đỉnh hướng xuống và sẽ kiểm tra tiếp các khu vực hỗ trợ bên dưới.

Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá Link
KDH_Bứt phá Link
ANV_Hồi phục Link
TCB_Tín hiệu tích cực Link
BID_Tiến về vùng đỉnh cũ Link

BSC

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intradday vs HĐTL 1 tháng Intraday

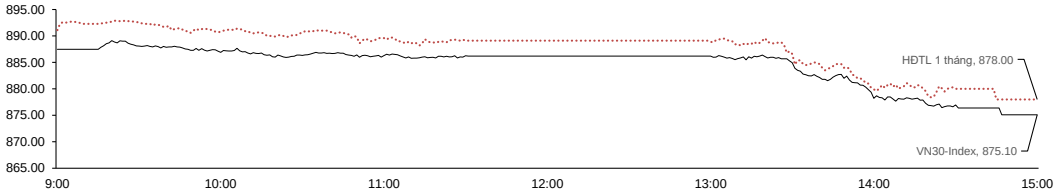

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	878.00	-1.47%	2.90	22.3%	83446	12/19/2019	19
VN30F2001	880.00	-1.46%	4.90	38.3%	307	1/16/2020	47
VN30F2003	884.30	-1.50%	9.20	-40.2%	49	3/19/2020	110
VN30F2006	887.00	-1.22%	11.90	123.4%	105	6/18/2020	201

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VJC	146.10	0.83	0.43
SAB	229.00	1.33	0.29
HPG	22.95	0.44	0.23
ROS	24.50	0.82	0.06
VHM	91.90	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VNM	118.3	-2.63	-2.22
VPB	19.5	-3.23	-1.51
MBB	21.4	-3.39	-1.42
FPT	54.6	-3.19	-1.35
HDB	25.6	-3.58	-0.90

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm mạnh −12.37 điểm xuống mức 875.10 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VPB, FPT, MBB, và HDB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 chủ yếu vận động tích lũy quanh vùng giá 886-888 điểm. Sang phiên chiều, VN30 giảm tiêu cực, mất mốc hỗ trợ tại 880 điểm. Thanh khoản tăng mạnh đồng thuận cùng điều chỉnh giảm của chỉ số. VN30 có thể tiếp tục giảm điểm xuống ngưỡng 960 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F1912 và VN30F2006 đang tăng, trong khi VN30F2001 và VN30F2003 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động hồi phục trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp canh bán cho tất cả các hợp đồng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMBB1904	SSI	1/22/2020	51	1:1	22,990	12.0%	2.0 triệu	16.70%	2,900	2,980	33.63%	341.50	8.73
CVHM1902	SSI	4/22/2020	142	1:1	15,460	21.3%	1.0 triệu	23.20%	18,600	16,800	4.15%	10,367.20	1.62
CHPG1908	MBS	1/22/2020	51	2:1	82,460	113.4%	2.0 triệu	24.18%	1,450	1,680	3.70%	1,335.20	1.26
CVJC1902	SSI	4/22/2020	142	1:1	16,200	-2.2%	1.0 triệu	14.31%	27,900	28,970	2.77%	18,825.00	1.54
CMWG1902	VND	12/11/2019	9	4:1	55,180	-61.6%	2.4 triệu	21.64%	2,990	4,570	2.70%	4,626.30	0.99
CHPG1907	SSI	4/22/2020	142	1:1	48,070	158.2%	1.0 triệu	24.18%	4,200	4,240	2.17%	2,793.60	1.52
CREE1903	SSI	4/22/2020	142	1:1	25,500	57.4%	1.0 triệu	23.07%	7,600	5,570	-0.36%	2,278.00	2.45
CMBB1906	VND	1/9/2020	38	2:1	138,830	-18.0%	3.0 triệu	16.70%	2,100	1,290	-0.77%	772.20	1.67
CMWG1904	SSI	12/30/2019	28	1:1	50,150	25.7%	1.0 triệu	21.64%	14,000	19,070	-1.70%	18,728.60	1.02
CMWG1903	HSC	12/30/2019	28	5:1	42,710	-64.0%	2.0 triệu	21.64%	2,700	3,020	-2.89%	2,742.00	1.10
CMWG1907	HSC	4/8/2020	128	10:1	576,890	427.9%	5.0 triệu	21.64%	1,900	840	-3.45%	127.40	6.59
CFPT1903	SSI	12/30/2019	28	1:1	101,680	340.4%	2.0 triệu	20.94%	6,000	11,130	-6.47%	9,629.50	1.16
CVIC1902	SSI	4/22/2020	142	1:1	11,300	12.4%	1.0 triệu	17.06%	22,700	15,650	-6.68%	5,960.30	2.63
CMBB1903	SSI	4/22/2020	142	1:1	57,680	78.3%	3.0 triệu	16.70%	4,000	2,670	-7.93%	797.80	3.35
CVNM1903	SSI	4/22/2020	142	1:1	26,580	108.3%	1.0 triệu	18.19%	26,600	17,240	-9.69%	5,592.70	3.08
CREE1904	VND	1/9/2020	38	2:1	80,810	75.6%	3.0 triệu	23.07%	3,400	1,380	-10.39%	1,150.90	1.20
CVNM1904	HSC	4/8/2020	128	10:1	224,370	881.9%	5.0 triệu	18.19%	1,900	960	-14.29%	126.60	7.58
CFPT1905	SSI	4/22/2020	142	1:1	61,260	68.0%	1.0 triệu	20.94%	9,900	6,260	-16.09%	3,141.00	1.99
CFPT1906	HSC	4/8/2020	128	5:1	110,790	-44.4%	5.0 triệu	20.94%	1,700	1,230	-20.65%	413.50	2.97
CMBB1902	HSC	12/17/2019	15	1:1	129,520	58.5%	1.0 triệu	16.70%	3,200	1,800	-24.69%	146.90	12.25
CFPT1907	VND	1/9/2020	38	2:1	108,880	155.9%	2.0 triệu	20.94%	4,200	1,970	-25.66%	1,281.80	1.54
CMWG1906	MBS	12/16/2019	14	5:1	75,820	-52.8%	3.0 triệu	21.64%	2,850	150	-54.55%	1.80	83.33
		Tổng:			2,063,130		42.40 triệu	20.19%**					

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1904	24,900	22,000	21,400
CVHM1902	103,600	85,000	91,900
CHPG1908	23,400	20,500	22,950
CVJC1902	157,900	130,000	146,100
CMWG1902	48,130	90,000	108,400
CHPG1907	25,200	21,000	22,950
CREE1903	43,600	36,000	35,800
CMBB1906	24,200	20,000	21,400
CMWG1904	165,000	90,000	108,400
CMWG1903	25,800	95,000	108,400
CMWG1907	144,000	125,000	108,400
CFPT1903	51,140	45,140	54,600
CVIC1902	137,700	115,000	115,000
CMBB1903	26,000	22,000	21,400
CVNM1903	146,600	120,000	118,300
CREE1904	40,800	34,000	35,800
CVNM1904	152,000	133,000	118,300
CFPT1905	64,900	55,000	54,600
CFPT1906	65,500	57,000	54,600
CMBB1902	26,300	21,800	21,400
CFPT1907	61,400	53,000	54,600
CMWG1906	135,150	120,900	108,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chú thích:
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
*****Trung bình độ lệch chuẩn***
CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 02/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

• Về giá, CMWG1906 và CFPT1907 giảm mạnh nhất lần lượt là -54.55% và -25.66% . Trái lại, CMBB1904 tăng mạnh nhất 33.63%. Thanh khoản thị trường tăng 28.84%. CHPG1902 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 47.80% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VJC phục hồi tích cực sau điều chỉnh giảm ngắn hạn về 42. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu tăng ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Vận động tăng của VJC có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	108.4	-0.6%	0.7	2,086	3.0	8,321	13.0	4.3	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	80.0	-1.5%	0.9	774	1.2	4,839	16.5	4.3	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	68.5	-2.6%	1.3	2,087	0.3	1,889	36.3	3.1	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.4	-0.9%	0.7	316	0.1	2,801	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.0	-0.6%	1.0	16,730	1.5	1,589	72.4	4.9	15.0%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.0	-1.3%	1.1	3,443	5.0	1,033	32.9	2.8	32.6%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.1	-1.2%	0.8	2,269	0.5	3,187	17.6	2.5	7.3%	15.5%
REE	Bất động sản	35.8	-1.0%	1.0	483	0.7	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.0	-1.1%	1.5	320	0.7	3,215	4.4	0.8	45.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.5	-1.5%	1.4	431	1.3	1,769	11.0	1.0	55.7%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.4	-0.9%	1.0	239	0.1	5,067	6.6	1.5	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.2	-0.9%	1.5	308	0.8	1,287	18.0	1.6	57.5%	10.2%
FPT	Công nghệ	54.6	-3.2%	0.8	1,610	4.8	4,688	11.6	2.7	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	98.0	-2.5%	1.6	8,155	2.2	5,886	16.7	4.1	3.7%	26.1%
PLX	Dầu khí	56.7	-1.6%	1.5	2,936	0.3	3,467	16.4	3.1	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	16.7	-4.0%	1.7	347	1.6	2,062	8.1	0.7	22.1%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.1	-3.2%	0.8	1,227	0.9	1,163	7.8	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	0.9%	0.5	534	0.0	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.8	-1.2%	0.8	218	0.1	650	19.7	0.6	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.8	-1.0%	0.6	157	0.0	625	10.9	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	83.5	-2.1%	1.3	13,465	1.6	5,274	15.8	3.8	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	39.4	-2.7%	1.6	6,890	1.2	2,109	18.7	2.4	21.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	19.8	-3.2%	1.6	3,205	3.4	1,641	12.1	1.0	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.5	-3.2%	1.2	2,041	0.9	3,341	5.8	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.4	-3.4%	1.1	2,164	3.3	3,261	6.6	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.6	-2.2%	1.1	1,628	1.6	3,585	6.3	1.4	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	51.9	-0.4%	0.8	185	0.1	5,073	10.2	1.7	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.5	0.0%	0.2	134	0.0	4,603	6.8	1.1	20.7%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.5	-0.7%	1.3	624	0.0	732	19.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.0	0.4%	1.0	2,755	9.1	2,526	9.1	1.4	37.7%	17.4%
HSG	Thép	7.9	0.9%	1.6	144	1.3	890	8.8	0.6	17.3%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	118.3	-2.6%	0.7	8,957	7.7	5,527	21.4	7.6	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	229.0	1.3%	0.8	6,385	0.2	7,365	31.1	8.2	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	69.0	-1.4%	1.2	3,507	0.8	4,512	15.3	2.4	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	-0.8%	0.6	473	0.9	440	42.2	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	74.2	-0.5%	0.8	7,023	0.2	2,630	28.2	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	146.1	0.8%	1.1	3,328	3.6	9,850	14.8	5.6	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	35.1	0.4%	1.7	2,164	0.9	1,747	20.1	2.7	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	23.5	-1.1%	0.8	303	0.1	1,949	12.1	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	17.2	-1.4%	0.6	210	0.3	2,571	6.7	1.2	31.9%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	75.8	-5.8%	0.9	527	0.9	8,338	9.1	3.8	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	0.3%	0.7	359	0.2	1,398	13.2	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	-1.0%	0.8	241	0.1	1,912	7.6	1.0	6.3%	13.8%
CTD	Xây dựng	63.0	-0.8%	0.7	209	0.1	9,842	6.4	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.1	0.0%	1.0	520	0.2	1,557	17.4	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	23.0	-4.2%	0.4	248	0.5	1,845	12.5	1.1	51.1%	8.8%
POW	Điện	12.6	-1.6%	0.6	1,283	0.8	820	15.4	1.2	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.5	-0.4%	0.6	282	0.1	2,721	8.3	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	229.00	1.33	0.57	22650.00
VJC	146.10	0.83	0.19	561090.00
HPG	22.95	0.44	0.08	9.10MLN
VHC	79.00	3.81	0.08	151160.00
HVN	35.10	0.43	0.06	585250.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NET	35.10	9.35	0.04	12800.00
AMV	24.00	1.27	0.01	299500.00
VNT	42.70	9.77	0.01	200.00
CSC	23.70	9.72	0.01	77000.00
VCR	14.30	4.38	0.01	186800.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	83.50	-2.11	-1.96	438800.00
VNM	118.30	-2.63	-1.64	1.49MLN
GAS	98.00	-2.49	-1.41	497220.00
BID	39.40	-2.72	-1.11	702050.00
CTG	19.80	-3.18	-0.71	3.94MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.60	-2.16	-0.82	1.64MLN
PVS	16.70	-4.02	-0.17	2.15MLN
VCS	75.80	-5.84	-0.16	281500.00
SHB	5.90	-1.67	-0.11	3.28MLN
MBG	29.70	-10.00	-0.07	278800.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	13.00	7.00	0.01	120070.00
HRC	46.00	6.98	0.03	230.00
L10	16.95	6.94	0.00	570.00
SHP	22.55	6.87	0.04	10.00
VTB	14.00	6.87	0.00	540.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.60	20.0	0.01	85200.00
KHS	11.00	10.0	0.01	1800.00
VNT	42.70	9.8	0.01	200.00
CSC	23.70	9.7	0.01	77000.00
PMB	6.90	9.5	0.00	300.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
D2D	75.90	-6.99	-0.04	513470.00
CCL	7.33	-6.98	-0.01	188270.00
TTB	6.81	-6.97	-0.01	33840.00
CLG	3.88	-6.95	0.00	271740.00
TMT	4.55	-6.95	0.00	12970.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBG	29.70	-10.00	-0.07	278800.00
SPI	0.90	-10.00	0.00	33300.00
HBE	12.10	-9.70	0.00	14700.00
LO5	1.90	-9.52	0.00	100.00
NRC	13.30	-9.52	-0.01	24000.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

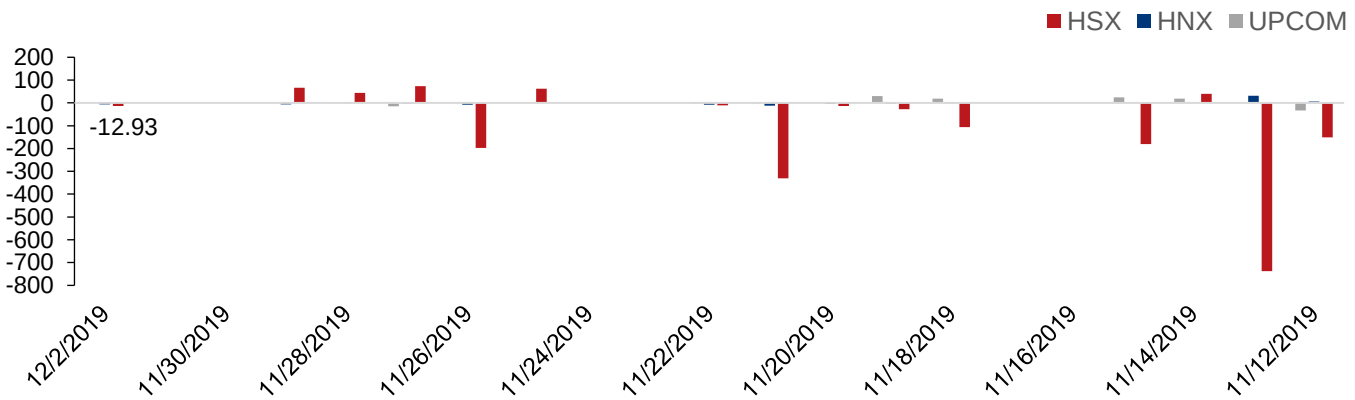

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	119.0	6,216	19.1	7.2	Click
2	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	83.5	5,274	15.8	3.8	Click
3	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	32.9	9,530	3.4	1.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	54.6	4,688	11.6	2.7	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.0	3,491	6.6	1.1	Click
6	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	17.5	2,246	7.8	0.8	Click
7	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.5	3,678	10.5	0.7	Click
8	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	69.0	4,512	15.3	2.4	Click
9	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	118.3	5,527	21.4	7.6	Click
10	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.9	2,887	7.6	1.5	Click
11	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	35.8	5,614	6.4	1.1	Click
12	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.0	14,958	5.3	1.5	Click
13	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.3	2,279	3.7	0.5	Click
14	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	22.6	3,585	6.3	1.4	Click
15	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.2	1,079	12.2	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	83.5	5,274	15.8	3.8	Click
17	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.3	1,723	12.9	1.6	Click
18	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	21.4	3,261	6.6	1.3	Click
19	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	58.1	2,801	20.7	3.4	Click
20	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	23.5	1,949	12.1	1.1	Click

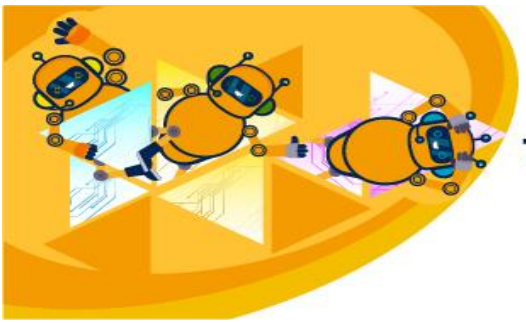

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER
Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị tường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây	Link	***Hướng dẫn sử dụng***	Link
Bản công bố rủi ro	Link	***Video hướng dẫn sử dụng***	Link

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish **94000** Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị **MUA**; Giá mục tiêu **73500**; Giá tại Publish **56500** Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm se đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CĐS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệ và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CĐS chủ yếu đều từ các khách hàng cu~, chủ yếu ở các linh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI;** Giá mục tiêu **142700**; Giá tại Publish **129000** Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%/, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị **THEO DÕI**; Giá mục tiêu **142700**; Giá tại Publish **129500** BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mẹ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị **THEO DÕI;** Giá mục tiêu **280000**; Giá tại Publish **260000** BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với KHTC mời liên lạc:	*Chức vụ*	*Địa chỉ email*
Vũ Thanh Phong	Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC	phongvt@bsc.com.vn
Trần Thành Hưng	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	hungtt@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Dương	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	duongnh@bsc.com.vn
Nguyễn Hoàng Nguyên	Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC	nguyennh@bsc.com.vn